bái huà

白桦

noun · white birch

Example Sentences

Bái huà de shù pí shì bái sè de
白桦的树皮是白色的。
The bark of white birch is white.

Sēn lín li yǒu hěn duō gāo dà de bái huà
森林里有很多高大的白桦。
There are many tall white birches in the forest.

Qiū tiān bái huà de yè zi biàn chéng le jīn huáng sè
秋天白桦的叶子变成了金黄色。
In autumn the leaves of white birch turn golden yellow.

Trace each character, then write the word on your own.

白 白 白 白 白 白 白 白

桦 桦 桦 桦 桦 桦 桦 桦 桦 桦 桦 桦 桦 桦